

Mật Tạng Bộ 3 – No.1086 (Tr. 206 _ Tr. 211)

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ (Một Quyển)

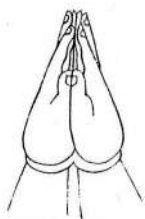
Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BÁT
KHÔNG phụng chiếu dịch.

Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Nay Ta theo Du Già
KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH nói
MA NI LIÊN HOA BỘ
NHƯ Ý NIỆM TỤNG PHÁP
Vì tu **Tam Muội** (Samādhi) này
Hay như **Quán Tự Tại** (Avalokiteśara)

Trước tiên chọn đệ tử
Thuộc **Tộc Tính** (Kula) kính **Pháp** (Dharma)
Được nhiều người yêu kính
Có Trí Tuệ, dũng tiến
Quyết định **Tỳ lý gia** (Vīrya: Tinh tiến)
Thường chẳng bỏ Giác Tuệ
Hiếu thuận với cha mẹ
Tỉnh tín nơi **Tam Bảo** (Tri-ratna)
Vui tu **hạnh Bồ Đề** (Bodhi-caryā)
Nơi bốn Tâm Vô lượng
Sát na không gián đoạn
Thường vui **Pháp Đại Thừa** (Mahā-yāna-dharma)
Trụ ở Bồ Tát Giới
Cúng kính **A Xà Lê** (Ācārye)
Tất cả bậc **Thánh Giả** (Ārya)
Thành tựu sức kiên cố
Dũng mãnh của **trượng phu** (Puruṣa)
Khéo thông Môn Tương Ứng
Thường vui hạnh Tịch Tĩnh
Trí Tuệ không sợ hãi
Đem **giới luật** (Vinaya) nghiêm thân
Tinh tu **Bí Mật Thừa** (Guhya-yāna)
Kính y **Lý Thú Đạo** (Naya-pātha)
Một lòng không chỗ khác
Thường vui nghe **Diệu Pháp** (Saddharma)
Tùng vào **Tam Muội Gia** (Samaya)
Theo Thầy được **Quán đĩnh** (Abhiṣeka)
Được việc ấn khả xong
Chẳng bao lâu sẽ thành tựu
Đệ Tử đủ tướng này
Mới có thể truyền thụ
Đây tức Báu Như Ý

Tiếp, nên quỳ gối bên phải sát đất, chắp tay Phù Dung đặt trên đỉnh đầu, tương lễ dưới chân tất cả Như lai Bồ Tát.



Mật Ngôn là:

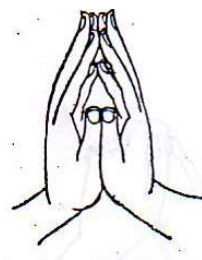
“**Án – Bát đầu ma – Vi**”

ॐ पद्म वि

☞ OM PADMA VIH

Lễ Chư Phật xong, tùy ý ngồi theo thế Toàn già, Bán già hoặc Luân Vương già.

_ Tác Tọa Án này xong
Quán Phật khắp hư không
Tự thân đều như trước
Trụ chúng Thánh hội kia
Chỉ Quán (2 bàn tay) từ trên gối
Xoay múa hợp ngang tim
Như hoa sen chưa nở



Tương lễ nơi Chư Phật

_ Tiếp, kết Tam Muội Gia
Buộc bền chắc ngang tim
Dụng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)
Kim Cương Liên Hoa Án



Thông bậc cầm hoa sen
Cảnh giác chúng Thánh xong
Tụng Mật Ngôn này là:

“**Án – Bạt chiết la bát đầu ma tam ma gia, tát đất phạm**”

ॐ वज्र पद्म समय च्छ

☞ OM VAJRA-PADMA SAMAYA STVAM

Do kết Án này nên

Phật nói: “**THIỆN THỆ TỬ** (Sugata-putra: Con của đấng Thiện Thệ)

Các bậc **Đại danh xưng** (Mahā-yaśa)

Diệu quán sát nhiếp thọ
Nhớ lại Thệ nguyện xưa
Đối trước BIẾN CHIẾU TÔN (Vairocana-nātha)
Chẳng dám ngược Giáo Lệnh
Gia trì khiến viên mãn

__Tiếp, kết NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI DUYỆT Ý HOAN HỖ TAM MUỘI GIA ẤN

Buộc mười ngón bèn chắc
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao giữa
Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiên Trí (2 ngón cái)
Đều hợp nhau dựng đứng



Mật Ngôn là:

“**Án – Tam ma gia, hô, Tô la đa, Tát đát phạm**”

ॐ स म ग य ः ह्रि त्त व

ॐ OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

Do kết Ấn này nên

Chư Phật và Bồ Tát

Tất cả **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Thảy đều hiện hoan hỷ

__Tiếp, nên mở cửa tâm

Vào chữ **Kim Cương Trí** (Vajra-jñāna)

Quán ở trên hai vú

Phải: ĐÁT LA (ॐ: TRĀ) Trái: TRA (ॐ: Ṭ)

Như cánh cửa Cung Thất

Kim Cương Phộc thù thắng



Ba nghiệp đồng thời phát

Vô tim mở hai chữ

Mật Ngôn là:

“**Án – Bạt nhật la mãn đà đát la tra**”

ॐ व र्ज व द्ध व र्ज

ॐ OM VAJRA BANDHA TRĀṬ

Ươm hạt từ Vô thủy

Gom chứa bao trần lao

Nay dùng **Triệu Tội Ấn**

Gom lại đập nát hết

Buộc mười ngón bền chắc
 Duỗi Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như Kim
 Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội
 Tưởng mọi tội trọng ấy
 Lộ hình đen như tóc
 Và ấn khắc nơi tim
 Chạm xong, tụng Mật Ngữ
 Tương ứng với ba nghiệp
 Hay triệu tập này xong
 Mới làm Pháp Tội phá
 Mật ngôn là:

“**Án, tát bà bả ba, ca ly sái noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật la, hồng nhạ**”

ॐ स क चक्र धर्म शिव न समय वज्र ह्रु

ॐ OM_ SARVA PĀPA AKARŚAYA VIŚODHANA SAMAYA VAJRA HŪM JAḤ

Triệu vào bàn tay xong
 Mới làm Pháp Tội phá
 Ấn trước cùng cài trong
 Xung **Hàm** (HŪM) cột các tội
 Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng
 Có chữ **Đát-La tra** (ॐ: TRĀṬ)



Tưởng là chày Kim Cương
 Cùng vỗ như phá núi
 Nhẫn cú và nộ hình
 Hay tĩnh các nẻo ác
 Tụng xong, Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) vỗ
 Hai mươi một (21) tùy nghi (nghi tắc)
 Mật Ngôn là:

“**Án – Bạt nhật la bá ni vĩ tát phổ tra dã – Tát bà bả da mãn đà ná nễ bát la mẩu khát sái dã – Tát bà bả dã nghiệt để tích dục - Tát bà đát vãn – Tát bà đát tha nghiệt đa phạt nhật la ta ma dã – Hồng đát la Tra**”

ॐ वज्रधर्म शिव न समय वज्र ह्रु ॐ स क चक्र धर्म शिव न समय वज्र ह्रु

☞ OM_ VAJRA-PĀṆI VISPHOTAYA SARVA PĀYA BANDHANĀNI
PRAMOKṢAYA - SARVA PĀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MĀM
- SARVA TATHĀGATA VAJRA SAMAYA HŪM TRĀṬ

Dùng Môn tương ứng này
Phật xưa phương tiện nói
Ba nghiệp gom chứa tội
Vô lượng chướng cực nặng
Làm tội diệt này xong
Như lửa đốt cỏ khô
Hữu tình thường ngu mê
Chẳng biết lý thú này
Vi Như Lai Đại Bi
Mở môn Bí diệu này

Tiếp, nên kết **Nhập ấn**
Trong chữ **Như Lai Trí** (Tathāgata-jñāna)
Hai tay buộc bền chắc
Thiền Trí (2 ngón cái) vào trong chưởng
Đem hai độ Tiên Lục (2 ngón trỏ)
Vịn nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước
Trên đó đặt chữ **A** (𑖀)
Vi hai điểm nghiêm sức
Chữ diệu mới là **Ác** (𑖀: AH)
Màu trắng như Kha Tuyết
Phóng tỏa ngàn hào quang
Tương dùng chi Tiên Lục (2 ngón trỏ)
Niệm chữ an trong tim
Ba nghiệp đều vận dụng
Tụng Mật Ngôn này là:
“Án – Phật nhật la, a vi xá, Ác”
𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀 𑖀
☞ OM_ VAJRA AVISA AH

Đã tương vào trong tim
Tương chữ vượt quang diệu
Đây tức Pháp Giới Thể
Hành Giả nên quán thấy
Chẳng lâu ngộ Tịch Tĩnh
Pháp vốn chẳng hề sinh
Các Như Lai ba đời

Thân Khẩu Ý Kim Cương
Đều dùng phương tiện diệu
Giữ tại Kim Cương quyền
Dùng dây đóng cửa tâm
Chữ Trí hộ bền chắc
Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Trú ở lung Thiên Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ức ngực
Liên tụng Diệu Ngôn này
“**Ấn – Phạ nhật la mẫu sát trí Hàm**”

ॐ वज्रमुष्ठी वाम

☞ OM_ VAJRA-MUṢṬI VAM

Hành Giả trụ **Đẳng Dẫn** (Samāhita)
Hai tay buộc bên chắc
Ngửa đặt ở dưới rốn
Thiên Trí (2 ngón cái) hình hoa sen
Đây gọi **Tam Muội Ấn** (Samādhi-mudra)



Tụng Mật Ngôn này là
“**Ấn - Tam ma địa Bát đầu mê ngọt lý**”

ॐ समधि पद्मे ह्रीं

☞ OM_ SAMĀDHI PADME HRĪḤ

Thở ra và thở vô
Trú A NA BA NA (Anapanna)
Tưởng Phật khắp Hư không
Búng tay cảnh giác Ta
Phật Tử (Buddha-putra) ! *Ngươi làm sao*
Thành Vô thượng đẳng giác
Chẳng biết các Như Lai
Diệu Pháp của thật tướng
Đã nghe cảnh giác xong
Hành Giả lại bạch rằng
“*Thế nào là chân thật?*”
Nguyện TỐI THẮNG TÔN nói
Chư Phật đều vui vẻ
Tác Thắng Ngôn như vậy:
“*Lành thay! Ma Ha Tát (Mahā-satva)*
Hay tác hỏi như vậy
Ngươi tưởng ở trong Tim”

Trong chừa **Ác Tự Môn** (𑖀: AH)

Dùng chữ thâu suốt Tâm

Tụng Mật Ngôn này là:

“Án – Chỉ đa bát la để vị đặng Ca lộ nhĩ”

ॐ 𑖀 𑖄 𑖅 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍

☞ OM_ CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thâm một biển

Liên tường làm vành trăng

Muốn tinh tiến gấp bội

Lại tụng Diệu Ngôn là:

“Án – Bộ đề chỉ đa mẫu đất bả đà dạ nhĩ”

ॐ 𑖀 𑖄 𑖅 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍

☞ OM_ BODHICITTAM UTPĀDA YĀMI

Hay khiến vành trăng tim

Viên mãn cực thanh tĩnh

Giữa tường Hoa sen diệu

Trên đặt Kim Cương báu

Mật Ngôn là:

“Án – Để sát xá ma ni phật nhật la bát ná ma”

ॐ 𑖀 𑖄 𑖅 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍

☞ OM_ TIṢṬA MAṆI-VAJRA-PADMA

Dẫn lượng đồng Hư không

Vòng khắp nơi Tam giới

Lại tụng Diệu ngôn này

KIM CƯƠNG NGŨ lìa tiếng

“Án – Tát phả la ma ni phật nhật la bát ná ma”

ॐ 𑖀 𑖄 𑖅 𑖆 𑖇 𑖈 𑖉 𑖊 𑖋 𑖌 𑖍

☞ OM_ SPHARA MAṆI-VAJRA-PADMA

Ở đây dẫn sen đẹp

Phóng tỏa ngàn ánh lửa

Trong mỗi một ánh sáng

Vô lượng Sát Thủ Phật

Trong **sát** (cõi) có sen đẹp

Tường Bạc cầm sen báu

Cầm sen báu, phương thẳng

Trong phương tuôn **diệu thanh** (tiếng vi diệu)

Ai có phân Phước mỏng

Sẽ mãn tất cả nguyện

Trụ TỊCH TAM MUỘI đầy

Làm lợi các Hữu tình

Loại Bồ Tát như vậy

Đều trụ ở **Đẳng dẫn**

Từ LIÊN HOA THAI TẠNG (Padma-garbha)

Phóng ngàn hào quang diệu

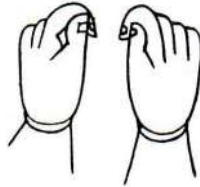
Tiếp, nên kết QUÁN ĐỈNH
 Bậc Trí hợp LIÊN CHUỖNG
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bâu
 Mở Thiên Trí (2 ngón cái) cùng xa
 Đặt trán tụng Mật Ngôn
 Tâm tưởng Phật quán đỉnh

“**Án – Bát ná ma bát ly câu đề đa trí la dát na bát ná ma ty sái kế la A ty tru giả Hàm dát lạc**”

ॐ पद्म भृकुटि तारे रत्नपद्म अभिसािकाया

☞ OM_ PADMA-BHRKUTI TĀRE RATNA-PADMA ABHIṢAIKĀYA
 ABHIṢIMCĀ MĀM_ TRĀḤ

Liên dùng Diệu Án này
 Hai tay chia hai bên
 Như buộc LIÊN HOA MAN (vòng hoa sen)

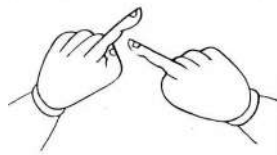


Từ từ hạ xuống buồng
 Tưởng thế rũ giải lụa
 Tụng Diệu Ngôn này là
 “**Án – Bát ná ma ma lệ Hàm, Hột lý, dát lạc**”

ॐ पद्ममाले मम ह्रीं त्रां

☞ OM_ PADMA-MĀLE MĀM - HRĪḤ TRĀḤ

Tiếp, nên kết GIÁP KHẢI (Áo giáp)
 Hai tay hình hoa sen



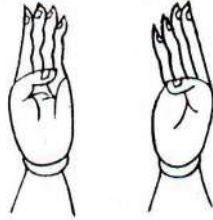
Từ tim ràng đến lưng
 Từ lưng ràng ngay rôn
 Hướng eo với hai gối
 Lên dần ràng sau não
 Từ não lại ngang họng
 Lại ràng ở sau đầu
 Quay lại đến trên trán
 Lui về sau đỉnh ràng
 Dần dần hạ xuống buồng
 Tụng Bí Mật Ngôn này:

“**Án – A bà duệ bát ná ma ca phộc chế mãn đà, la thác sái, hàm, Hồng hàm**”

ॐ अ बा दुये बा ना मा का फुक चे मन् दा ला थाक सै हाम ह्यो हाम

☞ OM_ ABHAYE-PADME-KAVACE BANDHA RAKṢA MĀM _ HŪM
HAM

Vì làm vui Chư Phật
Nên võ LIÊN HOA ÁN
Hai tay kết LIÊN CHUỖNG
Khéo võ khiến vui vẻ



Mật Ngôn là:
“Án – Bát ná ma đố sử cóc”

ॐ पद्म तुष्य ऋः

☞ OM_ PADMA TUṢYA HOḤ

Tương ở trước thân mình
Quán **Hột-Lý Tự Môn**
Biến thành LIÊN HOA VƯƠNG
Giữa có chữ **Hột-Lý** (ॠ: HRĪḤ)
Đát-la (ॡ: TRA) an hai bên
Làm Kim Cương bảo liên (sen báu Kim Cương)
Cộng biên làm sở Tôn
Cầm báu Diệu Chân Đà
Như trước Quán thân mình
Nay SỞ QUÁN cũng vậy
Vì khiến THỂ không sai
Tiếp, tác Pháp HỒ TRIỆU
Mười độ (10 ngón tay), sen chưa nở
Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu



Liên tụng Mật Ngữ này
Nên làm LIÊN HOA ÁM
“Án – Bát ná ma trí nọa na năng cú xã hồng – Án Bát ná ma chỉ nhạ ná bồ
sắt tỷ Hồng”

ॐ पद्मकुश पुष्पे ह्रूं

☞ OM_ PADMA-JÑĀNA AMKUṢA HŪM

ॐ पद्म पुष्पे ह्रूं

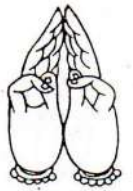
OM_ PADMA-JÑĀNA PUṢPE HŪM

Hành giả đã triệu xong
Tiếp nên kết **Sách Ân**
Như trước hợp **LIÊN CHUỜNG**
Tiến Lục (2 ngón trỏ) vịn như vòng
Đáy tên: **LIÊN HOA SÁCH** (Padma-pāśa)



Hay mãn các ý nguyện
Nên tụng Mật Ngôn này
Triệu vào ở **TRÍ THÂN**
“Án – Bát ná ma chí noa na, A mẫu già bả xã Hồng”
ॐ पद्मज्ज्वाला मन्त्रं ॐ
☞ OM_ PADMA-JÑĀNA AMOGHA-PĀŚA HŪM

Đã vào ở Trí Thân
Vi khiến không lay động
Lại nên kết **LIÊN TỎA** (Padma-Sphoṭa)
Nên tác tâm quyết định
Như trước hợp Liên Chương
Tiến (ngón trỏ phải) Thiền (ngón cái phải) vịn như vòng
Lục (ngón trỏ trái) Trí (ngón cái trái) cũng như vậy
Cùng kết như Câu Tỏa (móc khóa)



“Án – Bát ná ma chí noa na, tác bễ tra, Hồng”
ॐ पद्मज्ज्वाला मन्त्रं ॐ
☞ OM_ PADMA-JÑĀNA SPHOṬA HŪM

Vi khiến diệu hoan hỷ
Kết **LIÊN HOA LINH ÁN**
Nên dùng Liên Hoa dăng
Thiền Trí (2 cái) vào trong chưởng
Tiến Lục (2 trỏ) như cái vòng



Tụng Bí Mật Ngữ này
“Án – Chí noa ná bát ná ma A vĩ xã gia Hồng”

ॐ ॐ पद्म ज्ञाना विसया हूं
ॐ OM_ PADMA-JÑĀNA AVISĀYA HŪM

Tiếp, nên tụng **LIÊN HOA** (Liên Hoa Bách Tự Minh)
 Dâng hiến nước **Át Già** (Ārg̃ha)
 Dùng Uất Kim, Bạch Đàn hương
 Long Nãi kèm các hoa
 Hai tay dâng cúng dường

“**Án – Bát ná ma Tát đất phộc Tam ma địa nỗ bá la dã – Bát ná ma Tát đất phộc đế vĩ nỗ ba để sát xá nễ lý noa hộ mị bà phộc, Tổ đồ sát dụ mị bà phộc_ A nỗ la Cử đồ mị bà phộc, Tổ bồ sát dụ mị bà phộc, tát bà tát địa nhĩ dị Bát là dã tha Tát bà yết ma Tổ giả mê chỉ đa thất lợi Dược cử lộ hồng – Ha Ha Ha Ha cóc – Bà gia phạm – tát bà đất tha nghiệt đa – Bát ná ma Ma mị muộn giã Bát ná mị bà phộc Ma ha Tam ma địa Tát đất phộc Hột lý**”

ॐ पद्मसत्त्व समयमवर्षवर्ष पद्मसत्त्व वृक्षपत्रेषु कृत्स्न मन्त्रे सुगन्ध
 मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध
 मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध
 मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध मन्त्रे सुगन्ध

ॐ OM - PADMA-SATVA SAMAYAM - ANUPĀLAYA - PADMA
 SATVA TVENA UPATIṢṬA - DDDHO MEBHAVA - SUTOṢYO MEBHAVA
 - ANURAKTO MEBHAVA - SUPOṢYO MEBHAVA - SARVA SIDDHI ME
 PRAYACHA_ SARVA KARMASU CA ME CITTAM ŚRĪYAḤ KURU_ HŪM
 HA HA HA HA HOḤ_ BHAGAVAM - SARVA TATHĀGATA- PADMA MĀ
 ME MUMCA PADMĪ BHAVA - MAHĀ-SAMAYA-SATVA _ HRĪḤ

Tiếp, dùng Nội Ngoại Cúng
 Cúng dường **LIÊN HOA VƯƠNG**
 Ay là **NỘI CÚNG DƯỜNG**
 Chưởng Phù Dung ngang tim
 Thiên Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng
 Tên là **LIÊN HOA HÝ** (Padma-rati)



Nên tụng Mật Ngôn là
 “**Án – Chí noa na bát ná ma la tế Hồng**”
 ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय
 ॐ OM_ JÑĀNA- PADMA RATI HŪM

Tiếp, kết **HOA MAN ÁN** (Māle-mudra)
 Dùng dây mà cúng dường
 Chằng dờn **HÝ ÁN** trước
 Hai tay dâng hướng trước



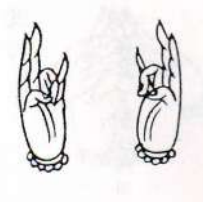
Tưởng mọi thứ BẢO MAN (Tràng hoa báu)
Tràn khắp Hư không giới
Mật Ngôn là:
“**Án_ Chí noa ná bát ná-ma ma lệ hồng**”
ॐ ॐ नमो नमो नमो नमो नमो नमो ॐ
ॐ OM_ JÑĀNA- PADMA MĀLE HŪM

Tiếp nên dùng CA ÁN (Gīta-mudra)
Phụng hiến Bạc TRÍ LIÊN (Jñāna-padma)
Lại dùng Diệu Án trước
Co chương trụ các Độ (các ngón tay)
Từ rốn dẫn đến miệng
Buông xuống như viết chép



Tưởng âm **Khẩn Na La** (Kinnara)
Cúng dường các Thánh Giả
Mật Ngôn là:
“**Án – Chí noa na bát ná ma nghi đế – Hồng**”
ॐ ॐ नमो नमो नमो नमो नमो नमो ॐ
ॐ OM_ JÑĀNA- PADMA GĪTE HŪM

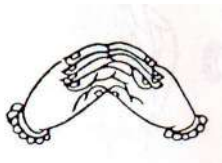
Tiếp, nên kết VŨ ÁN (Nṛtye-mudra)
Án trước chuyển trái, phải
Chấp Phù Dung diệu chương
Đặt trên đỉnh đầu, buông



Do **bốn Cúng Dường** đây
Hay được Đại Thần Thông
Mật Ngôn là:
“**Án – Chí noa na ná bát ná ma nễ y đế Hồng**”
ॐ ॐ नमो नमो नमो नमो नमो नमो ॐ
ॐ OM_ JÑĀNA- PADMA NR̥TYE HŪM
Tác **bốn cúng dường** này
Hay thành việc tối thắng

Tiếp, kết NGOẠI CÚNG DƯỜNG
Tâm vui vẻ dâng hiến
Vận tâm không biên giới
LIÊN HOA PHẦN HƯƠNG (Padma-dhūpa) Pháp
Chư Phật chân thành nói
Vì lợi các Hữu tình

Liên Chương hướng xuống, buông
Giống như thể đốt hương

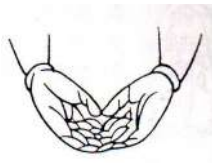


Tụng Bí Mật Ngôn này
Tưởng mây hương cúng dường
Vòng khắp Hư không giới
Cúng dường các Thánh chúng
“**Án – Bát ná ma chí noa na độ bé Hồng**”

ॐ पद्म कुण्डल ॐ

ॐ OM_ PADMA-JÑĀNA DHŪPE HŪM

Tiếp nên kết HOA ÁN (Puṣpa-mudra)
Dùng ba mươi hai tướng
Trang nghiêm các Như Lai
Quán mây hoa diệu sắc
Vận tâm tràn tất cả
Như trước chấp LIÊN CHUÔNG
Trên rải như tán hoa



Với các **Thiện Thệ Tử**
Tưởng đầy Hư không giới
Mây hoa thơm phưng phức
Cây báu rất trang nghiêm
Tụng Bí Mật Ngữ này
Ba nghiệp cùng vận dụng
“**Án – Bát ná ma chí noa ná bồ sát bé Hồng**”

ॐ पद्म कुण्डल ॐ

ॐ OM_ PADMA-JÑĀNA PUṢPE HŪM

Vô Minh (Avidya) che chúng sinh
Lìa ánh sáng Trí Tuệ
Vi làm Tĩnh Trừ ấy
Nên kết TRÍ ĐĂNG ÁN (Jñāna-āloke-mudra)
Dùng Liên Hoa Chương trước
Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dựng nghiêng



Tâm tưởng đèn Ma Ni
Chiếu khắp Hư không giới
Muôn vô lượng ánh sáng

Tụng Mật Ngôn là:

“**Án – Bát ná ma chí noa na nễ bé Hồng**”

ॐ पद्म ज्ञाना लोके हुं

ॐ OM_ PADMA-JÑĀNA ĀLOKE HŪM

Bậc Trí! Tiếp nên kết

GIẢI THOÁT ĐỒ HƯƠNG ÁN (Mukti gandha-mudra)

Vì Tĩnh chúng sinh nên

Hiển hương THI LA (Śīla) này

Hai tay bung Liên chuông

Ngang tim, thể xoa hương



Mười ngón thành huân tập

Biển hương tràn Hư không

Hiển Phật và Sở Tôn (Bản Tôn của Không)

Tụng Bí Mật Ngũ này

“**Án – Bát ná ma Chí noa na hiển đề Hồng**”

ॐ पद्म ज्ञाना गन्धे हुं

ॐ OM_ PADMA-JÑĀNA GANDHE HŪM

Nội Ngoại cúng dường xong

Sau đó nên thuận tiện

Kết Bí Mật BẢN ÁN

Đối trước MẬT NGÔN VƯƠNG

Trước, tụng Căn Bản Ngôn

Bảy biến rõ ràng xong

Đặt chuông ngang với tim

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như hoa sen

Tiền Lực (2 ngón trỏ) dạng MA NI

Các ngón khác như phượng



Tụng Căn Bản Mật Ngôn

Nghĩ mãi nguyện Hữu tình

Mật Ngôn là:

“**Ná ma la dát ná dát la dạ dã – Na ma a lị gia phộc lỗ cát đế Thập phiệt la gia – Bồ đề tát dát phộc gia – Ma ha tát dát phộc gia – Ma ha ca lỗ ni ca gia – Đát diệt tha – Án chúc ca la mật đề chân đa mật ni – Ma ha bát ná mê – Lỗ lỗ để sắt xá – Nhập phộc la, A ca ly sái gia – Hồng phát tra Tát phộc ha**”

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय

ॐ नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय नमः शिवाय

ॐ वक्रवर्ज बज्रम मन्त्राय नमो नमो नमो
शुद्धयै सुकृत्यै सुकृत्यै

☞ NAMO RATNA-TRAYĀYA
NAMAḤ ĀRYA-AVALOKITEŚVARĀYA BODHI-SATVĀYA MAHĀ-
SATVĀYA MAHĀ-KĀRUṆIKĀYA
TADYATHĀ: OM CAKRA-VARTTI-CINTĀMAṆI MAHĀ-PADME RURU
TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HŪM PHAṬ SVĀHĀ

Tiếp, kết Tâm BÍ MẬT
Dựa Căn Bản Ấn trước
Buộc Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)
Tên là BẢN TÂM ẤN



Tất cả các ý nguyện
Ứng theo niệm của Tâm
Do kết Ấn này nên
Thầy đều được thành tựu
Mật Ngôn là:
“Ấn – Bát na mê chân đa ma ni nhập phộc la Hồng”

ॐ पद्म बज्रमन्त्राय नमो नमो
☞ OM_ PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪM

Tiếp, kết TÙY TÂM ẤN
Hai tay buộc bền chắc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) hình MA NI
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi
Giới Phương (2 vô danh) cũng duỗi thẳng
Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng giao cứng



Tụng TÂM TRUNG TÂM này
Mật ngôn là:
“Ấn Mật la ná bát ná mê Hồng”

ॐ वरदा पद्मे नमो नमो
☞ OM_ VARADA PADME HŪM

Tiếp, tưởng trong miệng TÔN
Tuôn ra lời Bí Mật
Rõ ràng thành TỰ ĐẠO (con đường đầy chữ)

Ngũ sắc quang chiếu diệu
Màu thù thắng xen kẽ
Vào trong miệng DU KỲ (Yogi: người tu Du Già)
Bày trong vành trăng tim
Trong như pha lê hồng
Mỗi mỗi suy tư kỹ
Thuận lý tùy giác ngộ
Trú định mà tu tập

Nhập vào A TỰ MÔN (𑖀)
Liền vào LUÂN TỰ QUÁN
Đều quán khắp các chữ
Đây tên TAM MUỘI NIỆM
Được Trí với giải thoát
Do sự tương ứng này
Chẳng lâu thành Chứng Trí

Nếu THƯỜNG THANH (âm thanh bình thường) thuận niệm
Tối thắng diệu kỳ đặc
Trụ ở BẢN TÔN QUÁN
Chẳng khởi tâm nóng vội
Chẳng cao cũng chẳng thấp
Chẳng chậm cũng chẳng gấp
Bậc Trí lia phân biệt
Với các Tâm vọng tưởng
Nếu tụng Lạc Xoa Biển (100.000 biển)
Mong cầu đều **Tất Địa** (Siddhi: Thành tựu)
Hai tay cầm tràng hạt
Pha chi và hạt sen
Loa châu với báu khác
Sáng đẹp không tỳ vết
Nên xuyên trăm lỗ tám
Mỗi hạt tụng bảy biển
TÂM VỚI TÂM TRUNG TÂM
Hoặc TỶ CÂU (Bhṛkuṭi) ĐA LA (Tārā)
Tác Pháp này gia trì
Xỏ râu châu man xong
Ngay tim mỗi một độ
Cùng SA HA (Svāhā) tè thanh (đồng âm thanh)
Một ngàn trăm tám biển
Tùy sức mà niệm tụng
Bốn thời hoặc ba thời
Pháp này sau đêm THẮNG
Trong Kinh NHƯ Ý LUÂN
BẢN GIÁO, Phật đã nói
Nếu tu tập như vậy
Đời này chứng SỞ ĐỊA
Qua mười sáu đời sau
Thành VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ

Huống chi THỆ TÁT ĐỊA (thành tựu việc thế gian)

Đời này chẳng như ý
Tùy sức niệm tụng xong
Trùng kết TAM MUỘI GIA
Lại làm Tám CÚNG DƯỜNG
Phát khiển Mật Ngôn Chủ
Hai tay buộc bên chắc
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hình cánh sen



Từ tim đến mắt, buông
Trên đỉnh hợp Hoa Chưởng



Tưởng TÔN trong Hư không
Lại đường đi về cung
Mật Ngôn là:
“Án – Bát ná ma tát đát phộc, ngọt lý, mục”
ॐ पद्मसत्त्व ह्रीं मुह
ॐ OM_ PADMA-SATVA HRĪḤ MUḤ

Phát Khiển Thánh Giả xong
Tự trú BẢN TÔN THẮNG
Hoặc ở nơi nhàn tĩnh
Chuyên đọc MA HA DIỄN (Mahā-yāna:Đại Thừa)
LĂNG GIÀ và HOA NGHIÊM
BÁT NHÃ với LÝ THỨ
Nhóm Kinh Giáo như vậy
Suy tư rồi tu tập
Tụng đọc Kinh Điển xong
Tự ý đi, đứng, ngồi
Chẳng lâu sẽ thành tựu
KIM CƯƠNG TẠNG đã nói
Nghĩ quý Đại Bi này
Chẳng chịu ngày và Tú (tinh tú)
Thời, thực (ăn) và tắm gội
Hoặc Tĩnh hoặc Bất Tĩnh
Thường nên chẳng gián đoạn
Mau lìa sự tán loạn

Chỗn Không Nhàn tịch tĩnh
Chẳng tính các chuyện đời
Niệm xong phát thệ nguyện
Kết TAM MUỘI GIA ÁN
Lễ Phật Bồ Tát xong
Tùy ý mà **kinh hành** (Caṅkramana)

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ
Một Quyển (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 23/06/2011